

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
Số: 09/CBTT/SSV-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Mã chứng khoán: không có
Trụ sở chính: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232
Người thực hiện công bố thông tin: Ông KANG SANG IN – Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại (Cơ quan): 028 6299 8000 Fax: 028 62994232
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

<https://shinhansec.com.vn/278/bao-cao-thuong-nien-nam-2017-10774n.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 11 tháng 04 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

ANNUAL REPORT

(Promulgated together with Circular 155/2015/TT-BTC dated 06th October 2015 of the Ministry of Finance, on guidelines for information disclosure on securities market)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Năm báo cáo: 2017

ANNUAL REPORT

SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
Report Year: 2017

Tp Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2018

Ho Chi Minh City, April 2017

Mục lục/Contents

I.	Thông tin chung/ <i>General information</i>	4
1.	Thông tin khái quát/ <i>General information</i>	4
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ <i>Lines and locations of the business:</i>	6
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ <i>Information about governance model, business organization and managerial apparatus</i>	6
4.	Định hướng phát triển/ <i>Development orientations</i>	10
4.1	Mục tiêu/ <i>Objective:</i>	10
4.2	Chiến lược phát triển/ <i>Development strategies:</i>	11
5.	Các rủi ro/ <i>Risks</i>	12
5.1	Rủi ro thị trường/ <i>Market risk</i>	13
5.2	Rủi ro tín dụng/ <i>Credit risk</i>	13
5.3	Rủi ro thanh khoản/ <i>Liquidity risk</i>	14
5.4	Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin/ <i>System risk and information security</i>	14
5.5	Rủi do tuân thủ/ <i>Compliance risk</i>	15
5.6	Rủi ro pháp lý/ <i>Legal risk</i>	15
II.	Tình hình hoạt động trong năm/ <i>Yearly Operations</i>	15
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Situation of production and business operations</i>	15
2.	Tổ chức và nhân sự/ <i>Organization and Human resource</i>	16
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ <i>Investment activities, project implementation</i>	17
4.	Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	17
4.1	Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	17
4.2	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ <i>Change in the owner's equity:</i>	18
5.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ <i>Report related impact of the Company on the environment and society</i>	19
5.1	Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ <i>Material Resource Management</i>	19
5.2	Tiêu thụ năng lượng/ <i>Energy consumption</i>	19
5.3	Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)	19
5.4	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ <i>Compliance with the law on environmental protection:</i>	19
5.5	Chính sách liên quan đến người lao động/ <i>Policies related to employees</i>	20

III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc/ <i>Report and assessment of the Board of management</i>	20
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Assessment of operating results</i>	20
2.	Tình hình tài chính/ <i>Financial Situation</i>	21
2.1	Tình hình tài sản/ <i>Assets</i>	21
2.2	Tình hình nợ phải trả/ <i>Liabilities</i>	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ <i>Improvements in organizational structure, policies, management</i>	22
4.	Kế hoạch kinh doanh năm 2018/ <i>Business Plan in 2018</i>	22
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ <i>Evaluation report related to environmental and social responsibility of the Company:</i>	23
6.	Giải pháp và chương trình hành động năm 2018/ <i>Solutions and action plan for 2017:</i>	23
7.	Báo cáo tài chính/ <i>Financial statements</i>	24

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

➤ **Tên giao dịch/ Trading name**

Tên giao dịch/ Trading name	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Tên Tiếng Việt/ Vietnamese name	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Tên Tiếng Anh/English name	SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
Tên viết tắt/ Abbreviation name	SSV

➤ **Trụ sở chính/Head office:**

Phòng 2201, Tầng 22, Tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

Số điện thoại/ Tel: 028 6299 8000 **Fax:** 028 6299 4232

Website: www.shinhansec.com.vn

➤ **Giấy phép kinh doanh/ Business license**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 123/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 04/02/2016
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2017 thay đổi Đại diện theo pháp luật
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2017 ghi nhận vốn điều lệ 812.600.000.000 đồng
- *Certificate of business registration No: 123/GP-UBCK issued on 04/02/2016*
- *Amendment license No: 50/GPĐC-UBCK issued on 12/10/2017 about changing legal presentative*
- *Amendment license No: 62/GPĐC-UBCK issued on 27/12/2017 about recording new charter capital 812.600.000.000 VND*

➤ **Vốn điều lệ/ Charter capital:** 812.600.000.000 VNĐ (Tám trăm mười hai tỷ sáu trăm triệu việt nam đồng)

➤ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital (tại thời điểm 31/12/2017):** 812.600.000.000 VNĐ (Tám trăm mười hai tỷ sáu trăm triệu việt nam đồng)

- **Mã cổ phiếu (nếu có) /Securities code (if any):** không/ none

➤ **Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process:***

Shinhan Investment Corp.

Tổng Công ty Đầu tư Shinhan, là thành viên của tập đoàn tài chính Shinhan, với bề dày trên 40 năm hoạt động từ năm 1973 đến nay, đang là một trong những công ty hàng đầu của Hàn Quốc về đầu tư, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính chứng khoán chuyên nghiệp có tính toàn cầu. Hiện chúng tôi đã mở rộng mạng lưới tại Mỹ, Châu Âu, riêng tại khu vực Châu Á, chúng tôi đã có mặt tại Hồng Kong, Thượng Hải, Mã Lai, Indonesia, Lào, Trung Quốc và Việt Nam.

Shinhan Investment Corp., be a member of Shinhan Financial Group, with over 40 years of operation from 1973 to the present, is one of the leading company on investment in Korea with respect to global professional securities financial services. Now we have expanded our network in the US, Europe, particularly in Asia we have been in Hong Kong, Shanghai, Malaysia, Indonesia, Laos, China and Vietnam

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam/ *Shinhan Securities Việt Nam*

18/12/2007 Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, ghi nhận vốn điều lệ là 140 tỷ Việt Nam đồng.

Nam An Securities Company was established under the license No 79/UBCK-GP issued on 18/12/2007 by SSC, recording the charter capital is 140 billion Vietnam dong.

08/04/2008 Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Officially became member of Ho Chi Minh Stock Exchange

04/02/2016 Chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với mức vốn điều lệ ghi nhận là 146 tỷ Việt Nam đồng

Officially change the name into Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd under the license No 123/GP-UBCK issued by SSC, recording the charter capital is 146 billion Vietnam dong.

16/02/2016 Chính thức trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Việt Nam

Officially became custody member of VSD

17/05/2016 Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Officially became member of Ha Noi Stock Exchange

12/10/2017 Thay đổi Ông Kwon Hyuk Jun là Đại diện theo pháp luật trên Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK.

Amend Mr. Kwon Hyuk Jun as the Legal Representative under the license no 50/GPĐC-UBCK.

27/12/2017 Công ty tăng vốn điều lệ lên 812.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/GPĐC-UBCK

The Company increased capital as 812.600.000.000 VNĐ under the license no 62/GPĐC-UBCK.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

➤ Ngành nghề kinh doanh/ Line of the business:

- Môi giới chứng khoán/ Brokerage
- Tự doanh chứng khoán/ Self-trading
- Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Advisory
- Lưu ký chứng khoán/ Custody
- Nghiên cứu, tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư/ Research, financial consult, investment banking

➤ Mạng lưới hoạt động/ Location of the business:

Phòng 2201, Tầng 22, Tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

Room 2201, 22 floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, HCMC

Điện thoại/ Tel: 028 6299 8000

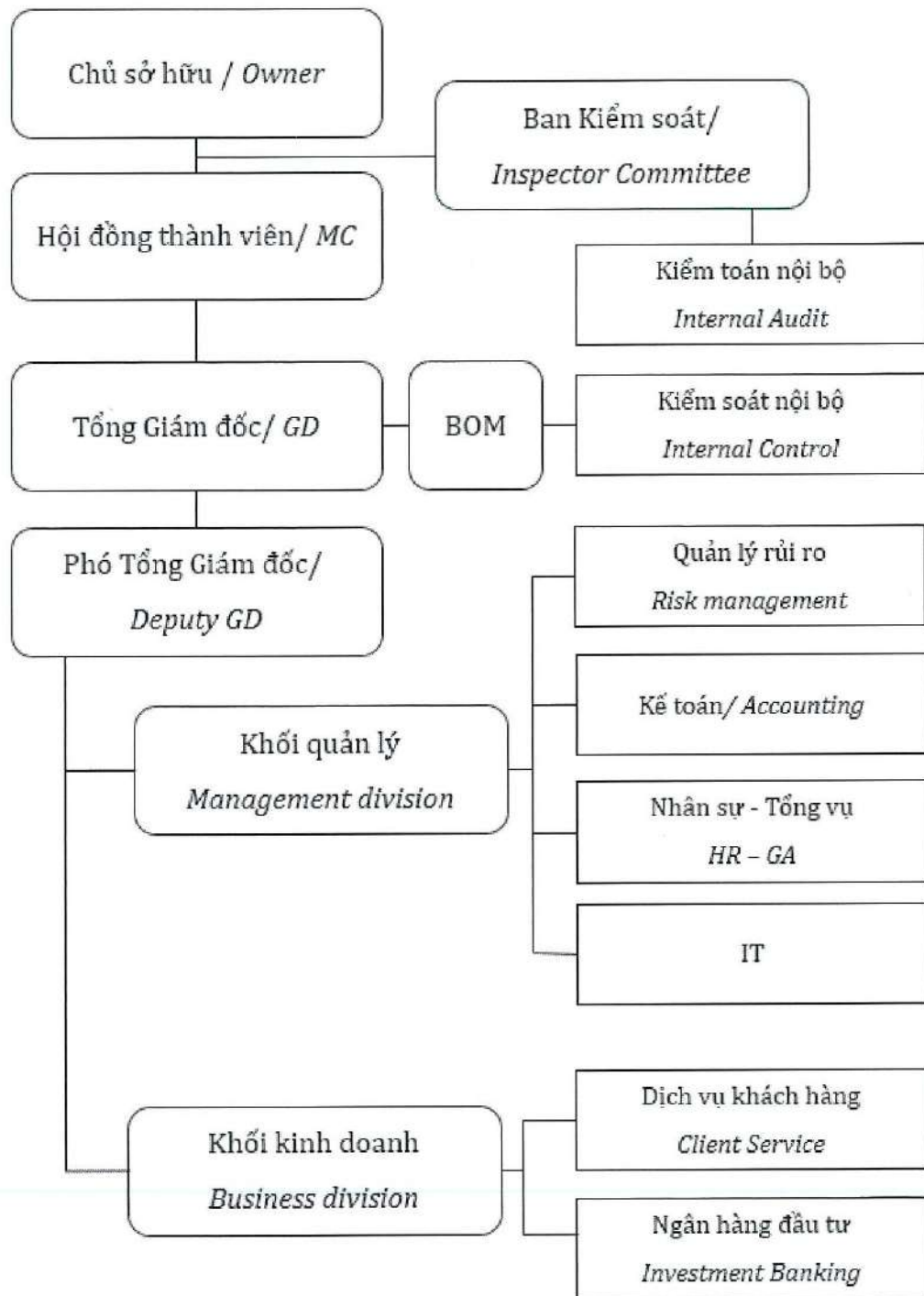
Fax: 028 6299 4232

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

SSV là Công ty TNHH Một Thành Viên 100% vốn sở hữu nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền cao nhất là Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm.

SSV is a one-member limited company, 100% foreign-owned, the highest authority is the Board of Members appointed by the Owner.

Sơ đồ tổ chức công ty như sau/ Company organization:



Bộ máy quản lý/ managerial apparatus:

– **Hội đồng thành viên/ Members' Council:**

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm.

The Member's Council shall include all of authorized representative appointed by the Owner with term of 5 years

- Hội đồng thành viên nhân danh Công ty thực hiện các quyền của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Members' Council exercises the rights of the Company in the name of the Company; and shall be responsible before the law and to the Company's Owner for the performance of the delegated rights and obligations in accordance with the laws.

- Cuộc họp Hội đồng thành viên phải tổ chức tối thiểu mỗi quý một (01) lần.

Meeting of Member's Council must be taken place at least once (01) per quarter.

- Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty quy định.

The Member's Council has Rights and Powers regulated in Charter of Company

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

The members of Member Council in year and as at this report date, as follows:

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Chung Whan	Chủ tịch/ <i>Chairman</i>	Bổ nhiệm ngày 08/03/2017
	Thành viên/ <i>Member</i>	Miễn nhiệm ngày 08/03/2017
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch/ <i>Chairman</i>	Miễn nhiệm ngày 08/03/2017
	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 08/03/2017
		Miễn nhiệm ngày 28/06/2017
Ông Jeong Donyeong	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 04/02/2016
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28/06/2017

– **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng/ Board of Management and Chief Accountant**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

The General Director is the person who manages the day-to-day business operations of the Company, is subject to supervision by the Members' Council and is responsible to the Members' Council and before the law for the exercise of his or her delegated rights and the performance of his or her delegated duties.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

The members of Board of Management and Chief Accountant in year and as at this report date, as follows:

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Kwon Hyuk Jun	TGD/GD	Bổ nhiệm ngày 12/10/2017
Ông Jeong Man Ki	TGD/GD	Miễn nhiệm ngày 12/10/2017
Ông Kang Sang In	Phó TGD/DGD	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
	Giám đốc Khối Văn phòng/ <i>Management Division</i>	Bổ nhiệm ngày 14/02/2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD/DGD	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế Toán Trưởng <i>Chief Accountant</i>	Bổ nhiệm tạm thời ngày 27/10/2016 Bổ nhiệm chính thức ngày 01/03/2017

- Ban kiểm soát/ *Inspection Committee:*

- Nhiệm kỳ công tác của các Kiểm soát viên là 5 năm hoặc ngắn hơn theo quyết định của Chủ sở hữu. Ban Kiểm soát viên bao gồm 2 đến 3 thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm.

The period of office of the Inspectors is 5 years or less as determined by the Owner. The Inspection Committee are composed of 2 or 3 members appointed by the Owner.

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

The Inspection Committee shall supervise the Members' Council, the chairman of the Members' Council and the Board of Management with respect to management and administration of the Company; and shall be responsible to the Company's Owner and before the laws for the performance of its duties.

- Mỗi năm Ban Kiểm soát tổ chức họp tối thiểu 2 lần

The Inspection Committee shall hold at least 2 meetings each year

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

The members of Inspection Committee in year and as at this report date, as follows

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Han Bokhee	Trưởng ban/ <i>Head of IC</i>	Bổ nhiệm ngày 04/02/2016
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 05/10/2017
Ông Trương Huy Bình	Thành viên/ <i>Member</i>	Miễn nhiệm ngày 05/10/2017

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

4.1 Mục tiêu/ *Objective:*

- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng của Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung.

Providing professional services that create value for clients of the Company in particular and of the Group in general.

- Hưởng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng.

Getting the rational and legitimate benefits from providing professional services to clients

- Tiến đến vị trí top 5 công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh tốt nhất vào năm 2020, đặc biệt là trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư.

Reaching the top 5 securities companies of best performing by 2020, especially in the field of investment banking.

- Xây dựng nguồn nhân lực thông minh, hiệu quả và chuyên nghiệp.

Building the smart, efficient and professional human resources.

- Quản trị tài chính hợp lý nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

Manage the finance to achieve high efficiency in business operations.

4.2 Chiến lược phát triển/ *Development strategies:*

- Tập trung xây dựng và phát triển mạnh mẽ tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư.
Focus on building and developing strong financial advisory and investment banking
- Tập trung nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư của đội ngũ phân tích, phục vụ tốt nhất nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư quốc tế, đặc biệt là nhà đầu tư Hàn Quốc.
Focus on improving the quality of investment consultancy of the analyst team, best serve the investment needs of international investors, especially Korean investors
- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin và cơ chế quản trị rủi ro cũng như các công cụ nghiên cứu phân tích nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trước những biến động và rủi ro tiềm ẩn trên thị trường chứng khoán.
Complete the IT system and risk management mechanism as well as analytical, research tools to ensure the sustainable development before the fluctuations and risks in the securities market
- Kế hoạch tăng vốn nhằm tăng khả năng tài chính của Công ty.
Plan to increase capital to widen the financial capacity of the Company.
- Ra mắt các sản phẩm mới cũng như các mô hình hợp tác đa dạng mới.
Launch new products as well as new models of co-operation.
- Đào tạo và duy trì nguồn nhân lực ưu tú.
Train and maintain the outstanding human resources.

4.3 Nhiệm vụ/ *Mission*

- Tối đa hóa lợi ích của khách hàng và các bên dựa trên nhiệm vụ quản lý rủi ro
Maximize benefits of customers and stakeholders based on risk management.
- Góp phần tăng trưởng bền vững và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam với sự quản lý minh bạch
Contribute to sustainable growth and development of Vietnam Stock market with transparent management.
- Trở thành môi trường làm việc mong muốn của nhân viên
Desired working environment for employee

4.4 Tầm nhìn/ *Vision*

- Tiến đến vị trí dẫn đầu trong các công ty đầu tư ở Châu Á vào năm 2020
The best investment company in Asia through 2020
- Tiến đến vị trí top 3 trong thị trường tài chính Việt Nam vào năm 2025.
Reaching the top 3 in Vietnam Financial market by 2025.

4.5 Giá trị cốt lõi/ *Core value*

- **Tập trung vào khách hàng:**

- Đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu
- Phục vụ khách hàng là mục đích của chúng tôi.

Customer Focus

- *We place our customers' interests first.*
- *Serving clients is our purpose*

➤ **Liêm chính & tin tưởng:**

- Chúng tôi tìm kiếm sự tin tưởng từ Khách hàng bằng cách cung cấp các dịch vụ tốt nhất.

Integrity & Trust:

- *We earn trust by delivering the best financial solutions and services.*

➤ **Tính chuyên nghiệp:**

- Thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực ưu tú

Professionalism & Team Work:

- *We attract, retain and develop the best people.*

5. Các rủi ro/ Risks

Năm 2017, bối cảnh tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có sự tăng trưởng tốt đã tạo cơ sở vững chắc cho thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển mạnh, và có mức tăng trưởng cao.

In 2017, the situation of economic and financial in the world and in the country has the good growth, it has created a solid foundation for Vietnam's stock market to develop strongly and have high growth.

Trong năm 2017, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tham gia mạnh mẽ vào thị trường chứng khoán, với việc mua ròng gần 26 nghìn tỷ đồng cổ phiếu. Giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh.

In 2017, foreign investors continued to join in the stock market, with a net buying of nearly VND26 trillion. The value of the portfolio of foreign investors increased sharply.

Hoạt động tái cấu trúc các công ty chứng khoán vẫn tiếp tục được thực hiện theo lộ trình. Đến nay, số lượng công ty chứng khoán hoạt động bình thường là khoảng 79 công ty, giảm khoảng 25% tổng số công ty chứng khoán. Bên cạnh đó, các công ty chứng khoán đã nâng cao hơn về quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật ngày càng tốt hơn, và nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

The restructuring of securities companies continues to be carried out according to the schedule. The number of securities firms operating normally is about 79 companies,

down about 25% of total securities companies. In addition, securities companies have improved their risk management, legal compliance, and improved the quality of their services.

Trên cơ sở đó, SSV đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro, đồng thời định hướng phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm cho Nhà đầu tư

SSV has built up a control system to ensure the balance between the cost of risk and the cost of risk management. The Board of Management continually monitors the risk management process to ensure the balance between risk and risk control

5.1 Rủi ro thị trường/ *Market risk*

Các hoạt động kinh doanh cơ bản của SSV liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động tự doanh, đầu tư tiền gửi và cho vay ký quỹ. Các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác. Công ty luôn duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

The businesses of SSV which involves market risk are self-trading, deposits investment and margin trading. These activities are affected by fluctuations in interest rates and stock prices. They possibly due to market situations, changes in monetary policy and other legal regulations. The Company always maintain coordinated risk governance closely from following, evaluating, identification, forecasting the market, providing investment strategies to limit, warning system and processing.

5.2 Rủi ro tín dụng/ *Credit risk*

Các hoạt động đầu tư tiền của Công ty qua các kênh tiền gửi ngân hàng, cho vay ký quỹ chứa đựng rủi ro tín dụng. Rủi ro phát sinh khi Công ty chứng khoán không thu hồi được hoặc không thu hồi hết vốn đầu tư do đối tác không thực hiện hoặc mất khả năng hoàn trả.

Business activities of securities companies that may incur credit risk include investment in bank deposits, margin trading. The risk raise when Company are not able to collect its debts.

SSV áp dụng biện pháp đánh giá và chấm điểm tín dụng các Ngân hàng thương mại căn cứ trên báo cáo tài chính, các thông tin về tình hình tài chính và tình hình hoạt động để lựa chọn các đối tác có tín nhiệm cao nhất.

SSV applies assessment measures and credit scoring for commercial banks based on their financial statements, information about the financial status and operational status

so that SSV can select partners who have the highest credit rating

Đối với giao dịch cho vay ký quỹ, lập danh mục một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời đánh giá các cổ phiếu trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.

With respect to margin trading, Company strictly comply with the State Securities Commission's requirements on making the portfolio. In addition, evaluate the stocks based on the analysis of the corporate financial situation. The portfolio is revalued monthly to timely update the stock fluctuations, and the special cases are also evaluated as soon as the bad news of stocks appear. Besides that, building a crosscheck management system to completely control, monitoring debt balance and risk ratio daily to timely detect signs of risk; reject proposals from clients who have signs of debt swap, debt rotation; do not race for market share by expanding too flexible with margin trading.

5.3 Rủi ro thanh khoản/ *Liquidity risk*

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay margin và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản của họ duy trì tại Công ty. Công ty luôn phải đảm bảo quản lý hoạt động thanh toán của nhà đầu tư được vận hành nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu chi phí. Việc quản lý các khoản đầu tư thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả.

Liquidity risk occurs when the Company fails to meet its debt obligations or unable to fulfill clients' demands for money withdrawals/transfers or does not meet the requirements of the payment for margin trading of investors. SSV always ensure payment activities of investors are operated quickly, safely and economically. The management of illiquid investments is required structural balance of equity resources in a reasonable manner, so as not to affect the demand for capital reinvestment when the Company gains efficient investment opportunities.

5.4 Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin/ *System risk and information security*

Công ty kiểm tra toàn bộ hệ thống hạ tầng để đảm bảo không có điểm mờ nào trong hệ thống bảo vệ có thể bị xâm nhập. Việc đánh giá hệ thống hàng năm được thực hiện bởi một đơn vị uy tín để đảm bảo các hệ thống có kết nối với bên ngoài được an toàn trước các cuộc tấn công mạng.

Regarding information security, Company reviewed the entire infrastructure to ensure no dim point in the system could be compromised. Regular yearly system scanning has been done by third party to ensure all external connection being safe from the network attacks

5.5 Rủi do tuân thủ/ *Compliance risk*

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của SSV, như: xây dựng quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận nhằm cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra; Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên thông qua các công tác đào tạo, phổ biến các quy định, quy chế đặc biệt có liên quan đến công việc của mình; Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Preventing and minimizing compliance risk is considered an important work for the Company such as: make working process and operating system that can cross-check between employees and Department aims to strengthen inspection and supervision, limiting abuses and detect violations that can occur. Improve the consciousness of employees in compliance with the training and dissemination of special regulations and regulations related to their work; Apply strict discipline to violations of the Company's regulations.

5.6 Rủi ro pháp lý/ *Legal risk*

Công ty hiểu rõ rằng việc tuân thủ là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể thực hiện được các mục tiêu kinh doanh. Do vậy, ngoài việc thiết lập Bộ phận pháp lý nội bộ, Công ty còn sử dụng tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp thường xuyên nhằm hạn chế đến mức tối đa các rủi ro có thể phát sinh. Bộ phận pháp chế có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

The Company understood the compliance with the Laws is priority conditions for business' activities. Therefore, the company not only setting up legal counsel but also liaising with external Lawfirm regularly to minimize the risks involved. The Legal Department is responsible for updating the new legal documents to the Members' Council, Board of Management and the relevant departments; Studying the influence of legal documents in the drafting period to be issued to the Company's activities for proper preparation

II. **Tình hình hoạt động trong năm/Yearly Operations**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations**

- SSV đã hoàn thành đợt tăng vốn đầu tiên dẫn tới vốn điều lệ công ty được ghi nhận tại thời điểm 31/12/2017 là 812.600.000.000 Việt Nam đồng.

SSV completed increasing charter capital as 812.600.000.000 Việt Nam đồng, recorded at 31/12/2017.

- Cùng với việc xác định rõ mục tiêu và phương hướng chiến lược phát triển của Công ty, SSV đã vận hành Công ty tương đối ổn định; thiết lập và tổ chức mô hình kinh doanh tập trung vào khối Ngân hàng đầu tư.

Determinate the strategic objectives and strategic direction of the company, SSV operated the Company relatively stable; set up and organize a business model focusing on investment banking.

- Công ty chú trọng vào phát triển dịch vụ tư vấn. Tuy nhiên, chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn phát sinh và tăng cao do SSV đang tuyển thêm nhân sự để phù hợp với việc tái cấu trúc doanh nghiệp. Vì vậy, SSV vẫn tiếp tục báo lỗ trong 2017.

The Company focuses on developing the consulting services. However, operating expenses and corporate management expenses are still rising since SSV recruits more personnel to accommodate the restructuring of the business. Therefore, the SSV continues to report a loss in 2017.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc như được trình bày tại mục 3, phần I của báo cáo này.

List of the Board of Management: Board of Management as described in item 3, section I of this report.

- Những thay đổi trong ban điều hành:

List the changes in the Board of Management of the year:

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Jeong Man Ki	TGD/GD	Bổ nhiệm ngày 04/02/2016
		Miễn nhiệm ngày 12/10/2017
Ông Kwon Hyuk Jun	TGD/GD	Bổ nhiệm ngày 12/10/2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD/DGD	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
		Miễn nhiệm ngày 02/01/2018
Ông Kang Sang In	Phó TGD/DGD	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế Toán Trưởng <i>Chief Accountant</i>	Bổ nhiệm chính thức ngày 01/03/2017

- Số lượng cán bộ, nhân viên SSV tính đến cuối năm 2017 là 20 người.

Number of staffs: SSV has 20 employees as on 31 December, 2017

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation

- Các khoản đầu tư lớn: tại ngày 31/12/2017 Công ty có 2 khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng BIDV (220.000.000.000 VNĐ) và tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam là 366.500.000.000 VNĐ

Major investments as at 31 December 2017, there are two- term deposit, one at BIDV (VND 220,000,000,000) and one at ShinhanBank Vietnam (VND 366.500.000.000).

- Các công ty con, công ty liên kết: không
Subsidiaries, associated companies: none

4. Tình hình tài chính/Financial situation

4.1 Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu	Năm/Year		% tăng giảm/ % change
	2017	2016	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG/ OPERATING REVENUE	8,803,076,721	4,871,176,299	81%
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)/ Revenue from financial assets at fair value through profit and loss	5,299,292,219	4,720,543,648	12%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu/ Revenue from loans and receivables		593,923	-100%
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán/ Revenue from brokerage services	168,251,032	114,792,950	47%
1.9. Doanh thu tư vấn tài chính/ Revenue from financial advisory services	3,277,157,975		100%
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán/ Revenue from securities custodian services	31,200,072	9,120,492	242%
1.11. Thu nhập hoạt động khác/ Other revenue	27,175,423	26,125,286	4%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG/			

OPERATING EXPENSES	(9,154,140,802)	(2,452,617,497)	
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH/ FINANCE INCOME	6,645,243	125,055,701	
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH/ FINANCE EXPENSES	(109,643,068)	(19,134,314)	
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN/ GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES	(14,041,994,455)	(16,798,972,984)	-16%
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG/ OPERATING LOSS	(14,496,056,361)	(14,274,492,795)	2%
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC/ OTHER INCOME AND EXPENSES	(219,213,964)	25,758,017	
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ/ TOTAL GAIN BEFORE TAX	(14,715,270,325)	(14,248,734,778)	3%
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN/ CORPORATE INCOME TAX EXPENSE	-	-	
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN/ TOTAL GAIN AFTER TAX	(14,715,270,325)	(14,248,734,778)	3%

4.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017 đến ngày báo cáo: Chủ sở hữu của Công ty là Shinhan Investment Corp.

Shareholders structure of Company as at 31 December 2017 and this report date: the owner is Shinhan Investment Corp.

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn điều lệ tại ngày 31/12/2017 đến ngày báo cáo là 812.600.000.000 VNĐ (Tám trăm mười hai tỷ sáu trăm triệu đồng), vốn điều lệ tại ngày 31/12/2016 là 140.000.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)

Change in the owner's equity: company's charter capital as at 31 December 2017 and this report date is VND 812,600,000,000 (Eight hundred twelve billion six hundred million Vietnam dong), company's charter capital at the date of 31 December 2016 is VND 146,000,000,000 (One hundred forty-six billion Vietnam Dong)

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Material Resource Management*

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không.

The total quantity of materials used to produce and pack the main products and services of the organization during the year: None

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

Report the percentage of recycled materials used to produce the organization's main products and services: None

5.2 Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: khoảng 230 triệu Việt Nam đồng/ năm.

Direct and indirect energy consumption: about VND 230 million / year.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Energy saved through energy efficiency initiatives.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo), báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không.

Energy efficiency initiatives (providing energy-saving products or services or using renewable energy), reporting the results of these initiatives: None.

5.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/

Water consumption: (water consumption of business activities in year)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước kinh doanh

Water supply and water use: Water business

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

Percentage and total water recycled and reused: no

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: none

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: none

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

- Số lượng lao động trung bình: 20 người/ năm; mức lương trung bình đối với người lao động: 22,412,391 VNĐ/ người lao động/ tháng

Number of employees: 20; average wages of workers: VNĐ 22,412,391 / employee/month

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: ngoài các chính sách lương, thưởng theo Luật lao động và quy định của Công ty, Công ty còn có các chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, quà cho nhân viên vào các ngày lễ (8/3, 20/10, giáng sinh, tết dương lịch), bảo hiểm sức khỏe, chế độ cưới hỏi, thai sản...)

Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers: Besides the policies of salary and bonus under the Labor Code and the Company's regulations, the Company also has welfare policies for employees such as birthday party and gifts for employees on holidays (8/3 20/10, Christmas, Solar New Year's Day), health insurance, wedding, maternity ...)

- Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 5 giờ/năm

The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 5 hours/year.

Nhân viên được tham gia khóa đào tạo cung cấp từ kiến thức, nghiệp vụ cho đến các kỹ năng mềm

Employees are trained with training professional knowledge and soft skills.

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: tham gia tổ chức các chương trình ủng hộ, từ thiện địa phương.

Report on local community responsibilities: Participation in local support and charity programs.

- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: chưa có.

Reports related to green capital market activities: none

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of management*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Về nghiệp vụ môi giới: SSV đã nghiêm túc tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền của Công ty, không phát triển nghiệp vụ tự doanh chứng khoán để đảm bảo rằng lợi ích của khách hàng được đặt lên hàng đầu. Hơn thế nữa SSV cũng mở rộng thị phần khách hàng nước ngoài, đặc biệt là khách hàng Hàn Quốc.

About brokerage: The SSV has strictly separated the deposit of investors from the company's deposit account, does not develop the business of self-trading to ensure that

the interests of customers are respected. Moreover, the SSV also expanded its market share of foreign customers, especially Korean customers.

- Về nghiệp vụ nghiên cứu, tư vấn và ngân hàng đầu tư: chất lượng đội ngũ chuyên viên tư vấn, phân tích được cải thiện rõ rệt, các chuyên viên phân tích đã tiếp tục thường xuyên cập nhật tin tức, tổng kết tình hình và nhận định xu hướng giao dịch. Mặc dù, chỉ đang trong giai đoạn đầu sau khi thành lập, nhưng SSV vẫn dành ngân sách để đưa các nhân viên tham gia các khóa đào tạo ở Hàn Quốc để tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm với các chuyên viên khác trong tập đoàn. Với định hướng đó, SSV hướng tới năm 2018 với tràn đầy niềm tin và năng lượng để tập trung phát triển các dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán để huy động vốn (cổ phiếu, trái phiếu ...), sáp nhập doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài ... cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

About research, advisory and investment banking: the quality of consultants and analysts has been improved remarkably. Analysts have continuously updated the news, summarized the market information and identify the trading trend. Although SSV in the early year of establishment, the SSV still spends the budget to send employees to attend training courses in Korea to gain access to and learn from other professionals in the group. With that in mind, the SSV is expecting the year of 2018 with full of confidence and energy to focus on developing securities advisory services of raising capital (stocks, bonds, etc.), M&A, seeking foreign strategic partners for the enterprises in Vietnam

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: ổn định cơ cấu tổ chức nội bộ và xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh.

The Company's achievements: the internal organization initially stabilizing and build the business strategy.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

2.1 Tình hình tài sản/ Assets

- Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2017 là 787 tỷ, tăng 474% so với năm 2016 do công ty tăng vốn thêm 666.6 tỷ trong năm. Cơ cấu tài sản chủ yếu tập trung ở tài sản tài chính 96% và tài sản cố định chiếm 3%, các tài sản khác chỉ chiếm 1. %.

Total assets of the company as at 31/12/2017 is 787 billion, increase 474% compared to 2016 due to increase capital in the year. The structure of assets mainly concentrated in financial assets is 96%, fixed assets is 3%, other assets only accounted for 1 %.

- Cơ cấu nguồn vốn gồm vốn chủ sở hữu chiếm gần 99.9% và nợ phải trả chỉ chiếm 0.1%. Công ty không sử dụng nguồn vốn vay cho hoạt động kinh doanh.

The capital structure consists of nearly 99.9% of equity and liabilities for only 0.1%. The company does not use loans for business activities

- Hệ số nợ trên tổng tài sản thấp 0.1% do công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có và thanh toán nợ đúng hạn. Do đó, công ty không có khoản nợ xấu và tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Debt ratio on total assets is low, just only 0.1% because the company mainly uses own funds and pay debts on time. Therefore, the company does not have bad debt and bad

assets affect business operations.

2.2 Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Nợ phải trả đến 31/12/2017 là 0.7 tỷ giảm 70.14% so với năm 2016, chiếm 0.1% trên vốn chủ sở hữu. Khoản nợ này chủ yếu là khoản thanh toán nộp thuế và các khoản phải khác vào cuối năm, sẽ được thực hiện thanh toán đầu năm 2018.

The payable debt as at 31/12/2016 is 0.7 billion, decrease 70.14% compared to year 2016, equivalent to 0.1% of equity. This debt is mainly taxes and others payable that will be paid in early 2018.

- Hiện tại công ty không vay nợ phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên không phát sinh các khoản nợ xấu.

Currently the company does not have financial loans for business activities, so the bad debts are not incurred.

- Khoản mục chênh lệch tỷ giá chỉ phát sinh trong khoản mục chi lương cho người nước ngoài và ảnh hưởng không đáng kể.

The difference in exchange rate is only incurred in salary payment for foreigners and the effect is negligible.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management**

- Trong năm 2017, nhân sự của Công ty đang được mở rộng và tuyển thêm. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

In 2017, the company's personnel are expanding and recruiting. The procedures and policies for each department have been set up and updated, adapted to the new situation and new regulations of the flip-flop, creating favorable conditions for the operation of the whole company.

4. **Kế hoạch kinh doanh năm 2018/ Business Plan in 2018**

- Năm 2017 là một năm thành công với những dấu mốc ấn tượng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Năm 2018 được kỳ vọng sẽ là năm thị trường Việt Nam đạt được những kỷ lục mới.

2017 is a successful year with impressive milestones of Vietnam stock market. 2018 is expected to be the year which Vietnam achieved new records.

- Năm 2018, Công ty với mục tiêu hoạt động kinh doanh có lời và xóa khoản lỗ lũy kế có những chiến lược sau:

In 2018, the Company has the following strategies to accommodate with business objectives, profit and loss accumulated:

- Tập trung thúc đẩy triển khai và cung cấp các sản phẩm khối ngành Ngân hàng

đầu tư.

Focus on developing and providing products in the investment banking sector

- Kế hoạch tăng vốn đợt 2 nhằm nâng cao đòn bẩy tài chính của Công ty.

The second capital raising plan to raise the Company's financial leverage

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ *Evaluation report related to environmental and social responsibility of the Company:*

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải): không.

Assessments related to environmental indicators (water consumption, energy, emissions): none

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: không

Assessment related to worker issues: none

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương: không.

Assessment related to the company's responsibility to the local community: none

6. Giải pháp và chương trình hành động năm 2018/ *Solutions and action plan for 2017:*

- Kiện toàn bộ máy nhân sự, không ngừng phát triển nhân tài và liên tục đào tạo, cập nhật kiến thức để củng cố và xây dựng một lực lượng nhân sự chất lượng cao cho Công ty cũng như phát triển được đội ngũ kế thừa nòng cốt. Chú trọng xây dựng đạo đức nghề nghiệp dựa trên nguyên tắc luôn đặt lợi ích của cộng đồng, khách hàng và Công ty lên trên lợi ích cá nhân. Đảm bảo tất cả nguồn nhân lực ở tất cả các bộ phận (kinh doanh và hỗ trợ) đáp ứng kịp thời đầy đủ yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Strengthen the human resources, constantly developing such human resources and continuous training, updating knowledge to strengthen and build a high quality human resources for the Company as well as develop the core team. Focus on building professional ethics based on the principle of always placing the interests of the community, customers and the Company above personal interests. Ensure all human resources in all Departments meet all business requirements in a timely manner.

- Đa dạng hóa sản phẩm, tích cực tham gia vào các sản phẩm mới trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, hướng đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng; Phát triển công nghệ hiện đại nhằm cải tiến, hoàn thiện các tính năng cũng như công cụ giao dịch trực tuyến với mục tiêu mang lại sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn và bảo mật cao cho nhà đầu tư; Phát triển năng lực nghiên cứu để có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính chuyên sâu và chất lượng cao cho nhà đầu tư.

Diversify products, actively participate in new products in the market to meet the needs of investors, aiming to provide the best suited products and services to customers;

Developing modern technology to improve and perfect the features and tools of online trading with the aim of bringing convenience, speedy, secure and high security for investors; Develop research capacity to provide high quality and specialized financial advisory services to investors.

- Hoàn thành các quy chế, quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

Complete regulations and operational procedures to enhance business efficiency and reduce risks for the Company

- Phân loại và xác định các nhóm khách hàng để thiết kế các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho từng đối tượng; Phát triển và hoàn thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ với khách hàng.

To classify and identify customers to design appropriate products and services for each type of customers; Develop and improve customer service to maintain and develop relationships with customers

- Tham gia triển khai những sản phẩm mới để tối ưu hóa danh mục đầu tư cho khách hàng như: chứng quyền, giao dịch trong ngày,...

Participate in implementing new products to optimize the portfolio for customers such as: right certificates, day trading..

7. Báo cáo tài chính/ Financial statements

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Auditor's opinions: Opinion of the independent auditors is presented in the audited financial statements as at 31/12/2016 by Ernst & Young Viet Nam Co., Ltd.

- Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Audited financial statements as attached.

TM. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

AUTHORIZED BY LEGAL REPRESENTATIVE



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 40

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016, điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017, và giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 cấp bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên (HĐTV) của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Chung Whan	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Jeong Donyeong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Trương Huy Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2017
	Giám đốc Khối Văn phòng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm chính thức ngày 1 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 12 tháng 10 năm 2017 là ông Jeong Man Ki, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 12 tháng 10 năm 2017 đến ngày lập báo cáo tài chính này là ông Kwon Hyuk Jun, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đại diện Ban Tổng Giám đốc: 

Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61281867/19517568

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

139
A
B
139

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 - Thay đổi trong các chính sách kế toán. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1



Hồ Nguyên Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3459-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		760.330.727.757	109.428.566.995
110	I. Tài sản tài chính		759.123.757.674	109.272.662.744
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	168.136.490.180	5.859.064.386
111.1	1.1. Tiền		1.136.490.180	1.859.064.386
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	4.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6	586.504.875.450	100.638.353.650
117	3. Các khoản phải thu	7	2.643.129.176	2.761.801.457
117.2	3.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.643.129.176	2.761.801.457
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.643.129.176	2.761.801.457
118	4. Trả trước cho người bán		1.494.095.001	-
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	331.489.615	-
122	6. Các khoản phải thu khác		13.678.252	13.443.251
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.206.970.083	155.904.251
131	1. Tạm ứng		145.920.000	-
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	746.053.970	155.904.251
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		314.996.113	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.015.062.616	27.805.011.458
220	I. Tài sản cố định		26.205.973.828	26.531.044.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.260.288.148	13.979.615.645
222	1.1. Nguyên giá		24.375.875.509	20.961.626.429
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.115.587.361)	(6.982.010.784)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.945.685.680	12.551.428.900
228	2.1. Nguyên giá		14.496.285.600	14.496.285.600
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.550.599.920)	(1.944.856.700)
250	III. Tài sản dài hạn khác		809.088.788	1.273.966.913
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	531.780.000	959.767.500
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		12.800.569	64.124.365
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	264.508.219	250.075.048
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		787.345.790.373	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		754.645.609	2.527.163.364
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		754.645.609	2.527.163.364
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		8.099.440	1.045.634
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.740.400.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	338.862.538	318.055.705
323	4. Phải trả người lao động		226.435.000	188.720.312
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	13.002.800
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		163.293.596	257.242.213
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		17.955.035	8.696.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		786.591.144.764	134.706.415.089
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	786.591.144.764	134.706.415.089
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	146.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	146.000.000.000
417	2. Lỗ lũy kế		(26.008.855.236)	(11.293.584.911)
417.1	2.1. Lỗ đã thực hiện		(26.010.301.628)	(11.293.277.207)
417.2	2.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.446.392	(307.704)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		787.345.790.373	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A.TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT (số lượng chứng khoán)			
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán		195	202
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư	16.1	95.251.830.000	63.125.250.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		95.220.330.000	3.125.250.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		-	60.000.000.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		31.500.000	-
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	16.2	10.000	10.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.000	10.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	16.3	525.600.000	300.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của nhà đầu tư	16.4	526.334.613	407.596.463
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.4	255.490.413	403.768.463
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	16.4	270.844.200	3.828.000
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		59.517.000	3.828.000
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		211.327.200	-
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.5	522.100.273	403.362.123
031.1	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		91.654.389	22.555.805
031.2	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		430.445.884	380.806.318
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16.5	4.234.340	4.234.340

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		5.299.292.219	4.720.543.648
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		91.404	900.000
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.754.096	-
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	17	5.297.446.719	4.719.643.648
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		-	593.923
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		168.251.032	114.792.950
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		31.200.072	9.120.492
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	18	3.277.157.975	-
11	6. Thu nhập hoạt động khác		27.175.423	26.125.286
20	Cộng doanh thu hoạt động		8.803.076.721	4.871.176.299
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		-	(307.704)
21.2	1.1 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	(307.704)
27	2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	19	(6.996.050.226)	(2.408.563.488)
30	3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(39.925.607)	(43.008.505)
31	4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20	(2.118.093.469)	-
32	5. Chi phí hoạt động khác		(71.500)	(737.800)
40	Cộng chi phí hoạt động		(9.154.140.802)	(2.452.617.497)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái		205.780	-
42	2. Doanh thu lãi tiền gửi không có định		6.439.463	125.055.701
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		6.645.243	125.055.701
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái		(109.643.068)	(19.134.314)
60	Cộng chi phí tài chính		(109.643.068)	(19.134.314)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	21	(14.041.994.455)	(16.798.972.984)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(14.496.056.361)	(14.274.492.795)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		1.002.373	40.636.675
72	2. Chi phí khác		(220.216.337)	(14.878.658)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(219.213.964)	25.758.017
90	VIII. LỖ TRƯỚC THUẾ		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
91	1. Lỗ đã thực hiện		(14.716.747.717)	(14.248.427.074)
92	2. Lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện		1.477.392	(307.704)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	22	-	-
200	X. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
400	TỔNG LỖ TOÀN DIỆN		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (phân loại lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.151.125.615	(1.281.109)
03	Khấu hao tài sản cố định		3.794.254.791	2.616.507.970
08	Dự thu tiền lãi		(2.643.129.176)	(2.617.789.079)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		220.215.926	307.704
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		-	307.704
17	Lỗ khác		220.215.926	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(2.754.096)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(1.754.096)	-
21	Lãi khác		(1.000.000)	-
30	Thay đổi vốn lưu động		(487.287.491.326)	(69.807.211.720)
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(485.864.767.704)	(68.636.820.754)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.761.801.457	-
37	Tăng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(331.489.615)	-
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(235.001)	37.310.918
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(1.541.456.785)	4.697.982.172
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(93.948.617)	194.242.213
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(538.825.923)	705.399.740
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(1.740.400.000)	1.654.478.634
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(13.002.800)	(704.730)
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước		20.806.833	311.563.983
48	Tăng phải trả người lao động		37.714.688	188.720.312
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		16.312.141	(8.959.384.208)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(500.634.174.206)	(84.056.919.903)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.689.400.000)	(14.768.827.980)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		1.000.000	-
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.688.400.000)	(14.768.827.980)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		666.600.000.000	8.955.149.867
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		666.600.000.000	8.955.149.867
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		162.277.425.794	(89.870.598.016)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	5.859.064.386	95.729.662.402
101.1	Tiền		1.859.064.386	93.329.662.402
101.2	Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.400.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	168.136.490.180	5.859.064.386
103.1	Tiền		1.136.490.180	1.859.064.386
103.2	Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	4.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		12.900.535.600	14.415.233.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(19.839.464.500)	(42.971.485.900)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		7.057.667.050	28.865.359.110
20	Tăng tiền thuần trong năm		118.738.150	309.107.010
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	16.4	407.596.463	98.489.453
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		403.768.463	98.489.453
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.828.000	-
	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	16.4	526.334.613	407.596.463
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		255.490.413	403.768.463
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		270.844.200	3.828.000

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm (VND)		Thay đổi trong năm (VND)				Số cuối năm (VND)	
	Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140.000.000.000	146.000.000.000	6.000.000.000	-	666.600.000.000	-	146.000.000.000	812.600.000.000
- Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn bổ sung	5.000.000.000	11.000.000.000	6.000.000.000	-	666.600.000.000	-	11.000.000.000	677.600.000.000
2. Lỗ lũy kế	-	(11.293.584.911)	2.955.149.867	(14.248.734.778)	-	(14.715.270.325)	(11.293.584.911)	(26.008.855.236)
Tổng cộng	140.000.000.000	134.706.415.089	8.955.149.867	(14.248.734.778)	666.600.000.000	(14.715.270.325)	134.706.415.089	786.591.144.764

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp vốn bổ sung là 666.600.000.000 đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 812.600.000.000 đồng theo Giấy phép số 62/GPDC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Người lập và phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người lập và phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016, điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017, và giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 cấp bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, số 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 26 người (31 tháng 12 năm 2016: 17 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 812.600.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 786.591.144.764 VND, tổng tài sản là: 787.345.790.373 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển bền vững và thịnh vượng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán*

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”). Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- ▶ Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản chênh lệch (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu – chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” của báo cáo tình hình tài chính và báo cáo tình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố theo Luật Kế toán 2015.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Ngày ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí quản lý" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm
Phần mềm tin học	8 năm
Tài sản vô hình khác	8 năm

3.9 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn (4) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Lợi ích của nhân viên*

3.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% (đến ngày 31 tháng 5 năm 2017) và 17,5% (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017) lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ Công ty mẹ được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của chủ sở hữu.

3.18 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền	1.136.490.180	1.859.064.386
Tiền mặt tại quỹ	519.000	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.135.971.180	1.859.064.386
Các khoản tương đương tiền	167.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	167.000.000.000	4.000.000.000
	168.136.490.180	5.859.064.386

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	13	323.700
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	56.566.711	87.222.687.000
	56.566.724	87.223.010.700

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm (phân loại lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam	366.500.000.000	366.500.000.000	80.635.000.000	80.635.000.000	80.635.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	220.000.000.000	220.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	4.875.450	3.661.354	3.417.296	3.353.650
	586.503.429.058	586.504.875.450	100.638.661.354	100.638.417.296	100.638.353.650

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 13 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,8%/năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
lại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		
Dự thu lãi tiền gửi	2.643.129.176	2.761.801.457

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động	328.580.358	-
Phải thu phí dịch vụ khác	2.909.257	-
	331.489.615	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	664.913.062	-
Phí thuê bao dữ liệu qua phần mềm FiinPro Platform	32.400.000	35.640.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	48.740.908	120.264.251
	746.053.970	155.904.251

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm hiện hành như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.289.081.100	10.021.776.992	9.650.768.337	20.961.626.429
Mua trong năm	-	-	3.689.400.000	3.689.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(275.150.920)	(275.150.920)
Số cuối năm	1.289.081.100	10.021.776.992	13.065.017.417	24.375.875.509
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	773.448.660	1.637.800.397	4.570.761.727	6.982.010.784
Khấu hao trong năm	128.908.116	1.232.862.504	826.740.951	2.188.511.571
Thanh lý, nhượng bán	-	-	54.934.994	(54.934.994)
Số cuối năm	902.356.776	2.870.662.901	5.342.567.684	9.115.587.361
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	515.632.440	8.383.976.595	5.080.006.610	13.979.615.645
Số cuối năm	386.724.324	7.151.114.091	7.722.449.733	15.260.288.148

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.788.205.107 VND (31 tháng 12 năm 2016: 3.788.205.107 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm hiện hành như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Số cuối năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	1.860.656.700	84.200.000	1.944.856.700
Hao mòn trong năm	-	1.605.743.220	-	1.605.743.220
Số cuối năm	-	3.466.399.920	84.200.000	3.550.599.920
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314.420.000	12.237.008.900	-	12.551.428.900
Số cuối năm	314.420.000	10.631.265.680	-	10.945.685.680

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.318.136.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 1.318.136.000 VND).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	516.780.000	839.767.500
Ký quỹ taxi Mai Linh	15.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà	-	120.000.000
	531.780.000	959.767.500

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	144.508.219	130.075.048
	264.508.219	250.075.048

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	313.626.408	1.479.100.738	(1.464.042.496)	328.684.650
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	4.429.297	31.188.242	(30.318.200)	5.299.339
Thuế giá trị gia tăng	-	111.042.642	(111.042.642)	-
Thuế nhà thầu	-	84.533.056	(79.654.507)	4.878.549
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	318.055.705	1.708.864.678	(1.688.057.845)	338.862.538

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	812.600.000.000	146.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	812.600.000.000	146.000.000.000
Lỗ lũy kế	(26.008.855.236)	(11.293.584.911)
Lỗ đã thực hiện	(26.010.301.628)	(11.293.277.207)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	1.446.392	(307.704)
	786.591.144.764	134.706.415.089

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp vốn bổ sung là 666.600.000.000 đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 812.600.000.000 đồng theo Giấy phép số 62/GPDC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

16.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	95.220.330.000	3.125.250.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	60.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	31.500.000	-
	95.251.830.000	63.125.250.000

16.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.000	10.000

16.3 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	525.600.000	300.000

16.4 Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	255.490.413	403.768.463
Của nhà đầu tư trong nước	36.371.729	22.962.145
Của nhà đầu tư nước ngoài	219.118.684	380.806.318
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	270.844.200	3.828.000
Của nhà đầu tư trong nước	59.517.000	3.828.000
Của nhà đầu tư nước ngoài	211.327.200	-
	526.334.613	407.596.463

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.5 Phải trả nhà đầu tư công ty chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	522.100.273	403.362.123
Của nhà đầu tư trong nước	91.654.389	22.555.805
Của nhà đầu tư nước ngoài	430.445.884	380.806.318
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.234.340	4.234.340
	526.334.613	407.596.463

17. CỎ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	50.000	182.500
Lãi tiền gửi	5.297.396.719	4.719.461.148
	5.297.446.719	4.719.643.648

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	2.061.363.636	-
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	1.175.649.951	-
Khác	40.144.388	-
	3.277.157.975	-

19. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.923.741.983	597.126.015
Chi phí khấu hao	2.852.624.187	1.734.741.923
Chi phí nhân viên	784.423.227	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>654.102.727</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>130.320.500</i>	<i>-</i>
Chi phí khác	435.260.829	76.695.550
	6.996.050.226	2.408.563.488

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	1.100.243.098	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	958.806.589	-
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	141.436.509	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.158.358	-
Chi phí khác	305.692.013	-
	2.118.093.469	-

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.264.180.946	7.507.534.888
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	8.799.504.846	6.851.854.288
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	464.676.100	655.680.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.114.989.398	7.833.496.337
Chi phí khấu hao	941.630.604	881.766.047
Chi phí công cụ, dụng cụ	108.802.050	238.158.397
Chi phí thuế, phí và lệ phí	24.431.048	3.933.643
Chi phí khác	587.960.409	334.083.672
	14.041.994.455	16.798.972.984

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu thu nhập tính thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ trước thuế	(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(2.943.054.065)	(2.849.746.956)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	53.182.904	14.016.560
- Chi phí dự phòng	-	61.541
- Lỗ tính thuế chưa ghi nhận	2.890.231.980	2.835.705.355
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm không chịu thuế	(360.819)	(36.500)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	-	-

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép kết chuyển lỗ vào thu nhập của năm tiếp theo trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có lỗ tính thuế lũy kế là 37.971.142.667 đồng có thể cần trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế VND</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017 VND</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017 VND</i>
2013	2018	664.760.499	-	664.760.499
2014	2019	2.566.075.498	-	2.566.075.498
2015	2020	6.110.619.994	-	6.110.619.994
2016	2021	14.178.526.775	-	14.178.526.775
2017	2022	14.451.159.901	-	14.451.159.901
		37.971.142.667	-	37.971.142.667

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Góp bổ sung vốn điều lệ Chi phí môi giới	666.600.000.000 97.078.080	6.000.000.000 95.014.885
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi Chi phí dịch vụ	3.812.854.771 970.000	3.685.652.907 1.546.000
Ban lãnh đạo	Nhân viên quản lý chủ chốt	Lương và thưởng	3.983.681.283	3.646.865.514

Tại thời điểm cuối năm, số dư với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn	17.955.035	8.696.700
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.109.339.965 533.500.000.000 1.578.573.611	1.854.332.300 84.635.000.000 1.669.301.458

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê nhà cho nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	1.246.070.000	2.393.782.500
Từ 1 đến 5 năm	-	1.246.070.000
	1.246.070.000	3.639.852.500

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CAM KẾT MUA TRÁI PHIẾU

Trong năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch chứng khoán với một công ty chứng khoán trong nước để được quyền mua trái phiếu của một tổ chức kinh tế trong nước với mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã đặt cọc cho giao dịch này với tổng giá trị là 910.679.178 VND.

26. RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

26.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 4 và Thuyết minh 6.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 *Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	586.504.875.450	-	586.504.875.450
Tài sản tài chính khác	5.160.092.044	-	5.160.092.044
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.643.129.176	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	1.494.095.001	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	331.489.615	-	331.489.615
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước dài hạn	531.780.000	-	531.780.000
Các khoản phải thu khác	13.678.252	-	13.678.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.136.490.180	-	168.136.490.180
	759.655.537.674	-	759.655.537.674

26.2 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

11/3/17/15

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	4.875.450	586.500.000.000	-	-	586.504.875.450
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	586.500.000.000	-	-	586.500.000.000
Cổ phiếu niêm yết	-	4.875.450	-	-	-	4.875.450
Tài sản tài chính khác	-	-	5.014.172.044	-	-	5.014.172.044
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	2.643.129.176	-	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	-	-	1.494.095.001	-	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	331.489.615	-	-	331.489.615
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	531.780.000	-	-	531.780.000
Các khoản phải thu khác	-	-	13.678.252	-	-	13.678.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.136.490.180	167.000.000.000	-	-	168.136.490.180
Tổng cộng	-	1.141.365.630	758.514.172.044	-	-	759.655.537.674
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.099.440	-	-	-	8.099.440
Chi phí phải trả	-	-	163.293.596	-	-	163.293.596
Tổng cộng	-	8.099.440	163.293.596	-	-	171.393.036
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	1.133.266.190	758.350.878.448	-	-	759.484.144.638

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu, tiền gửi, các khoản đầu tư.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND Quy đổi VND	Đô la Mỹ Quy đổi VND	Tổng cộng Quy đổi VND
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.136.490.180	-	168.136.490.180
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	586.504.875.450	-	586.504.875.450
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.643.129.176	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	1.494.095.001	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.909.257	328.580.358	331.489.615
Các khoản phải thu khác	13.678.252	-	13.678.252
Tạm ứng	145.920.000	-	145.920.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	746.053.970	-	746.053.970
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	314.996.113	-	314.996.113
Tài sản cố định	26.205.973.828	-	26.205.973.828
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	531.780.000	-	531.780.000
Chi phí trả trước dài hạn	12.800.569	-	12.800.569
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	264.508.219	-	264.508.219
Tổng tài sản	787.017.210.015	328.580.358	787.345.790.373
Nợ phải trả			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.099.440	-	8.099.440
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	338.862.538	-	338.862.538
Phải trả người lao động	226.435.000	-	226.435.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	163.293.596	-	163.293.596
Phải trả nội bộ ngắn hạn	17.955.035	-	17.955.035
Vốn chủ sở hữu	786.591.144.764	-	786.591.144.764
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	787.345.790.373	-	787.345.790.373
Tổng trạng thái tiền tệ nội bảng	(328.580.358)	328.580.358	-
Tổng trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-
Tổng trạng thái tiền tệ	(328.580.358)	328.580.358	-

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

26.4 *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Công ty thực hiện phân loại lại một số khoản mục thuộc số dư đầu kỳ để trình bày các khoản mục này một cách phù hợp hơn:

Trích từ báo cáo tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
1. Tài sản tài chính			
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.353.650	100.635.000.000	100.638.353.650
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	100.635.000.000	(100.635.000.000)	-

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31.998.179.246	(100.635.000.000)	(68.636.820.754)
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(100.635.000.000)	100.635.000.000	-

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018